TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2018/DS-PT
Ngày: 4 - 6 - 2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Thái Văn Đoàn**, Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83A/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 83B/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Trần Thị T**

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ông Đ có mặt; bà Trần Thị T vắng mặt, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 19/3/2018 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Ông **Phan Xuân T1** và bà **Trần Thị Bích N**

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ông Phan Xuân T1 có mặt; Trần Thị Bích N vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

31. **Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình Th** - Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Kỳ Q** – Phó chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định; theo giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 15/03/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3.2. Ông **Phan Thanh Đ1**

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, Bình Định. Ông Phan Thanh Đ1 có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Thanh Đ1: Luật sư **Bùi Văn P**, thuộc Văn phòng luật sư P - Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2016, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Năm 2007 vợ chồng ông được Nhà nước cấp cho 01 lô đất có diện tích 99m^2 thuộc thửa đất số 639 tờ bản đồ số 29 tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo diện gia đình không có chỗ ở. Ngày 24/6/2013 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00094 cho vợ chồng ông. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông bà chưa xây dựng nhà ở. Năm 2013 ông Phan Xuân T1 và vợ là bà Trần Thị Bích N đến chiếm đất làm nhà ở trên thửa đất của ông bà. UBND xã P đã đến hiện trường làm việc, không cho vợ chồng ông T1 làm nhà nhưng vợ chồng ông T1 không chấp hành. Vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu ông T1, Trần Thị Bích N phải tháo dỡ nhà trả lại toàn bộ diện tích đất.

Bị đơn ông Phan Xuân T1 và bà Trần Thị Bích N trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 639, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn Q, xã P, huyện T, Bình Định là của ông bà nội để lại cho gia đình ông (có Trích lục thời Đại Nam Trung Kỳ Chính phủ đứng tên ông nội Phan L). Trước và sau năm 1975 đất này do cha ông quản lý làm hồ nuôi cá, khoảng 10 năm nay thì chú bác và cha ông thống nhất giao đất này cho ông Phan Thanh Đ1 quản lý. Do vợ chồng ông không có chỗ ở nên đến phần đất của ông bà nội làm nhà. Ông không đồng ý trả lại diện tích đất 99m^2 thửa đất số 639, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xóm V, thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ.

Ông Phan Xuân T1 có đơn phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00094 ngày 24/6/2013 của UBND huyện T đã cấp cho vợ chồng ông Đ, bà T để trả lại đất cho gia đình ông vì đất này của ông bà nội ông mà UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Đ là không đúng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND huyện T do ông Trần Kỳ Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2007, UBND huyện T giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 673/QĐ-UB ngày 28/12/2007. Năm 2013 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00094 ngày 24/6/2013 cho vợ chồng ông Đ, bà T thửa đất số 639, tờ bản đồ số 29 tại thôn Q, xã P, huyện T, Bình Định, về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng ông Đ đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật nên UBND huyện T không hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh Đ1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 639, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định hiện ông Nguyễn Văn Đ tranh chấp với ông Phan Xuân T1 là của ông bà nội ông để lại cho cha ông, cha ông ủy quyền cho ông quản lý. Ông T1 có vợ con không có chỗ ở nên ông cho ông T1 cất nhà ở. Đất của ông bà nội ông nhưng UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà T do đó ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận này để trả lại đất cho gia đình ông. UBND huyện T muốn thu hồi mảnh đất này để mục đích sử dụng công cộng thì gia đình ông chấp nhận còn thu hồi cấp đất cho dân thì gia đình ông Đ, ông không chấp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017, Toà án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 169 Bộ luật Dân sự 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T. Buộc vợ chồng ông Phan Xuân T1, bà Trần Thị Bích N phải tháo dỡ nhà tạm xây trái phép trả lại thửa đất số 629 tờ bản đồ số 29 diện tích 99m^2 tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Phan Xuân T1 đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0094 ngày 24.6.2013 của Uỷ ban nhân dân huyện T đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2017, ông Phan Thanh Đ1 có đơn kháng cáo, với nội dung: Tòa án sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ, đánh giá chứng cứ không toàn diện và

khách quan, không tống đạt đầy đủ giấy triệu tập cho đương sự, chưa xem xét đến nguồn gốc đất, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không hợp lý; yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Phan Thanh Đ1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tôi có nhờ luật sư để bảo về quyền lợi cho Tôi nhưng tại phiên tòa hôm nay Luật sư Bùi Quang P vắng mặt, do vậy Tôi đề nghị hoãn phiên tòa để nhờ luật sư khác. Về nội dung kháng cáo: Tôi đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về nguồn gốc đất của ông nội Tôi để lại, việc Ủy ban nhân dân xã P đã đề nghị quy hoạch toàn bộ diện tích đất của ông nội Tôi, sau đó huyện T đã chia lô giao cho các hộ dân nhưng không giao cho anh, em ruột của Tôi cũng không có đất để ở là vô lý.

Bị đơn anh Phan Xuân T1 trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm vợ chồng Tôi không kháng cáo vì cho rằng có anh Tôi là Phan Thanh Đ1 kháng cáo, Tôi thống nhất ý kiến của anh Tôi là Phan Thanh Đ1 đã trình bày.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh Đ và chị T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Việc kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh Đ1 không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đề nghị hoãn phiên tòa để nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh Đ1, thấy: Tại phiên tòa mở lần thứ hai vào ngày 18/5/2018, Tòa án phúc thẩm đã hoãn phiên tòa theo đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Thanh Đ1 có đơn xin hoãn phiên tòa; tại phiên tòa lần này Luật sư bảo vệ cho ông Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt; do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh Đ1 về trình tự tố tụng, thấy: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm, Tòa án đã thu thập đầy đủ các chứng cứ và tống đạt đầy đủ các giấy triệu tập cho đương sự, do vậy yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh Đ1 cho rằng Tòa án sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ và không tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự là không có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh Đ1 về nội dung, thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo trình bày của ông Phan Thanh Đ1, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội Ông để lại cho gia đình Ông, có chứng cứ là bản Trích lục địa bộ do Đại Nam Trung kỳ chính phủ cấp, tuy nhiên gia đình Ông không kê khai đối với Nhà nước về diện tích đất này, từ năm 2012 gia đình Ông đã khiếu nại và Anh Phan Xuân T1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Uỷ ban nhân dân huyện T đã cấp cho hộ anh Đ.

Căn cứ vào tài liệu xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã P và Báo cáo của của Uỷ ban nhân dân xã P thì bản đồ địa chính sau năm 1975 so với trích lục Đại Nam Trung Kỳ Chánh phủ thì hình dạng đã thay đổi, từ năm 1983 HTX nông nghiệp xã P 3 quy hoạch mương tưới đã đào một con mương nổi N62 chạy qua thửa đất chia cắt thành thửa 431 diện tích 448m^2 và đã cân đối giao theo Nghị định 64/CP cho hộ Nguyễn Ngọc Sang; một phần thành diện tích trồng lúa thuộc đất dự phòng do xã quản lý; một phần đào đất đắp mương, đắp đê nên tạo thành vũng nước hoang, một số hộ dân liền kề nuôi cá. Năm 2005, Uỷ ban nhân dân xã P lấy thửa đất này quy hoạch khu dân cư và đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 27/3/2006 với diện tích 1.909m^2, được chia thành 11 lô, trong đó có 1 lô giao cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị T, có diện tích 99m^2. Theo quy định tại khoản 2, Điều 10 của Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013 quy định: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước…"; do vậy, việc ông Phan Thanh Đ1 yêu cầu đòi lại đất vì cho rằng có nguồn gốc trước năm 1975 của Ông Bà nội là không có căn cứ và không được chấp nhận.

Theo Quyết định số 673/QĐ-UB ngày 28/12/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện T đã giao 99m^2 đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ở thôn Q, xã P, huyện T để sử dụng mục đích đất ở tại thửa số 426, tờ bản đồ số 29 xã P, có giới cận: Đông giáp: đường đi, tây giáp: đất hoang, nam giáp: đường đi, bắc giáp: mương nước; ngày 31/5/2013 Uỷ ban nhân dân xã P đã lập biên bản cắm mốc giao đất cho anh Đ và chị T; ngày 24/6/2013 Uỷ ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL593200, số vào sổ GCN:CH:00094 cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị T; anh Phan Xuân T1 và chị Trần Thị Bích N tự ý làm nhà trên đất của anh Đ và chị T là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sử dụng đất của người khác đã được Nhà nước giao hợp pháp; nên anh Đ, chị T yêu cầu anh T1, chị N tháo dỡ nhà trả lại đất là có cơ sở.

[4] Bản án sơ thẩm đã buộc anh T1, chị N phải tháo dỡ nhà tạm trả lại đất cho anh Đ, chị T và bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận của anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị T là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan Thanh Đ1 cũng không có chứng cứ nào mới để xem xét. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh Đ1 giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Ông Phan Thanh Đ1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 164, Điều169 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh Đ1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị T. Buộc vợ chồng anh Phan Xuân T1, chị Trần Thị Bích N phải tháo dỡ nhà tạm xây trái phép trả lại thửa đất số 629, tờ bản đồ số 29, có diện tích 99m^2 tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị T.

2. Bác yêu cầu phản tố của anh Phan Xuân T1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0094 ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị T.

3. Những Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm ông Phan Thanh Đ1 phải chịu: 300.000, (Ba trăm ngàn) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số No 08125 ngày 26/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Ông Phan Thanh Đ1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn